



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

Vietnam Pepper Association

135A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP HCM

Tel: (84-28) 3823.7288 - 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901

Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 23/22, 6-10/06/2022

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng chiều, chỉ có giá tiêu Việt Nam giao dịch trên thị trường quốc tế ghi nhận sự sụt giảm.
02. Ấn Độ - Sau 4 tuần giảm, giá tiêu Ấn Độ ổn định trong tuần này.
03. Indonesia - Giá tiêu trắng Indonesia tiếp tục chiều hướng tích cực. Trong khi đó, giá tiêu đen Indonesia ổn định do khan hàng và ít giao dịch trên thị trường.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia giao dịch trong nước và thị trường quốc tế ổn định từ giữa tháng 5/2022.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tăng trong tuần này sau 4 tuần trầm lắng.
06. Việt Nam - Chỉ có giá tiêu nội địa Việt Nam ghi nhận sự gia tăng trong tuần này. Trong khi đó giá tiêu Việt Nam giao dịch trên thị trường quốc tế ghi nhận sự sụt giảm.
07. Xuất khẩu Hồ tiêu của Hoa Kỳ (2020-2022).

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (06-10/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	6.361 6.373 6.375 6.345 -	6,364 - 6,350	0%
 Ex-Lampung	3.388 3.388 3.385 3.367 3.363	3,378 - 3,374	0%
 Ex-Kuching	- 4.113 4.117 4.118 4.111	4,115 - 4,128	0%
 Ex- HCM	3.183 3.161 3.161 3.161 3.140	3,161 - 3,135	1%
 Sri Lanka	4.818 4.818 4.822 4.822 4.825	4,821 - 4,760	1%

Sources:

- India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
- Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
- Malaysia : Malaysian Pepper Board
- Sri Lanka : Department of Export Agriculture
- Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
- China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (06-10/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang	5.705 5.704 5.699 5.668 5.663	5,688 – 5,646	1% ↑
 Ex-Kuching	- 5.879 5.885 5.886 5.876	5,882 – 5,900	0% ↔
 Ex-HCM	4.839 4.839 4.839 4.839 4.839	4,839 – 4,753	2% ↑
 Ex-Hainan	6.185 6.185 6.185 6.185 6.185	6,185 – 6,185	0% ↔

Sources:
 • India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (06-10/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	6.618 6.631 6.633 6.602 -	6,621 – 6,608	0% ↔
 Lampung ** ASTA	4.031 4.030 4.027 4.005 4.001	4,019 – 4,014	0% ↔
 Kuching ASTA	- 5.900 5.900 5.900 5.900	5,900 – 5,900	0% ↔
 Ho Chi Minh 500g/l	3.950 3.700 3.700 3.700 3.700	3,750 – 3,940	-5% ↓
 Ho Chi Minh 550g/l	4.150 3.950 3.950 3.950 3.950	3,990 – 4,140	-4% ↓

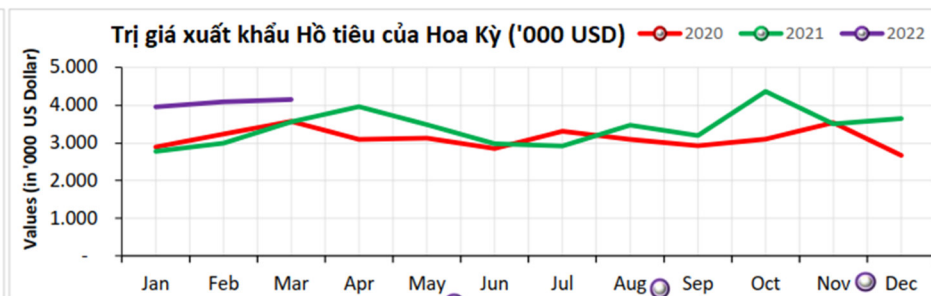
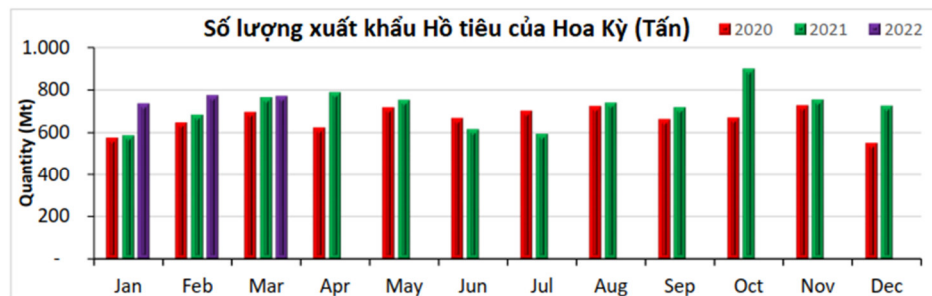
Sources:
 • India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (06-10/06/2022)	Giá TB tuần này - tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ	6.589 6.588 6.582 6.547 6.541	6,570 – 6,523	1% ↑
 Kuching ASTA	- 7.600 7.600 7.600 7.600	7,600 – 7,600	0% ↔
 Ho Chi Minh FAQ	5.950 5.750 5.750 5.750 5.750	5,790 – 5,940	-3% ↓
 Haikou FAQ	6.385 6.385 6.385 6.385 6.385	6,385 – 6,385	0% ↔

Sources:
 • India : The Indian Chamber of Commerce & Industry
 • Indonesia : Unofficial source, Regional Plantation and Livestock Service*
 • Malaysia : Malaysian Pepper Board
 • Sri Lanka : Department of Export Agriculture
 • Viet Nam : Viet Nam Pepper Association, HCMC
 • China : Hainan Pepper Association, China Spice Association

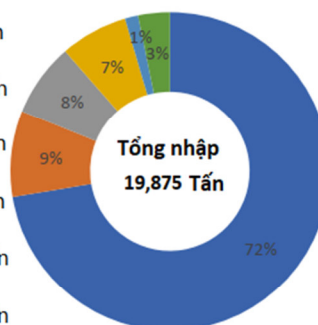
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA HOA KỲ



**5 quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Hoa Kỳ
3 tháng năm 2022**



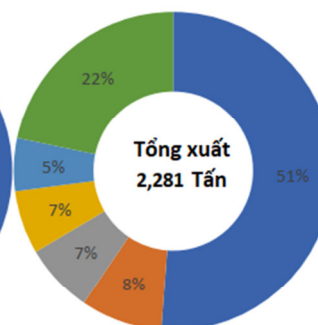
1 Việt Nam	: 14,385 Tấn
2 Ấn Độ	: 1,737 Tấn
3 Brazil	: 1,488 Tấn
4 Indonesia	: 1,361 Tấn
5 Trung Quốc	: 267 Tấn
6 Khác	: 637 Tấn



Tỷ lệ Nhập : Xuất = 9:1

**5 thị trường nhập khẩu Hồ tiêu lớn nhất của Hoa Kỳ
3 tháng năm 2022**

1 Canada	: 1,168 Tấn
2 Mexico	: 189 Tấn
3 Bahamas	: 161 Tấn
4 Hàn Quốc	: 146 Tấn
5 Anh	: 122 Tấn
6 Khác	: 495 Tấn



Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Xuất khẩu Hồ tiêu của Hoa Kỳ (2020-2022)

		<u>2020</u>	<u>2021</u>	<u>2022*</u>
Tổng lượng xuất (tấn)		7,959	8,623	2,281
Tổng trị giá xuất ('000 USD)		\$37,544	\$40,961	\$12,203



	Tiêu hạt	53%	56%	58%
Thị phần (%)	Tiêu xay	47%	44%	42%



Chênh lệch (%)		n.a	8%	12%
----------------	--	-----	----	-----



	Tiêu hạt	\$ 3,070	\$ 3,083	\$ 3,296
Giá xuất khẩu (USD/tấn)	Tiêu xay	\$ 6,603	\$ 6,874	\$ 8,145

* Tính đến tháng 3/2022

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.68	77.74	14,505	4.40	23,050	360.08
Tuần trước	6.69	77.55	14,523	4.38	23,050	360.51
Thay đổi	Không đổi	Không đổi	Không đổi	Không đổi	Không đổi	Không đổi

Nguồn:

- India: x-rates.com, Financial Benchmark India Private Ltd (FBIL)
- Indonesia: Ngân hàng Trung ương Indonesia
- Malaysia: Ngân hàng Trung ương Malaysia
- Sri Lanka: Ngân hàng Trung ương Sri Lanka
- Việt Nam : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Trung Quốc: Hệ thống thương mại ngoại hối Trung Quốc (CFETS)